

ÔN TẬP CHƯƠNG III

A. Giải bài tập

Bài 17. Một vận động viên bắn súng bắn 30 phát. Kết quả được ghi lại trong bảng sau :

10	9	10	8	10	8
10	10	10	10	10	10
10	10	10	10	10	10
7	9	9	7	9	10
6	8	9	10	10	10

- a) Dấu hiệu ở đây là gì ?
- b) Lập bảng "tần số" ;
- c) Vẽ biểu đồ đoạn thẳng ;
- d) Tính số trung bình cộng.

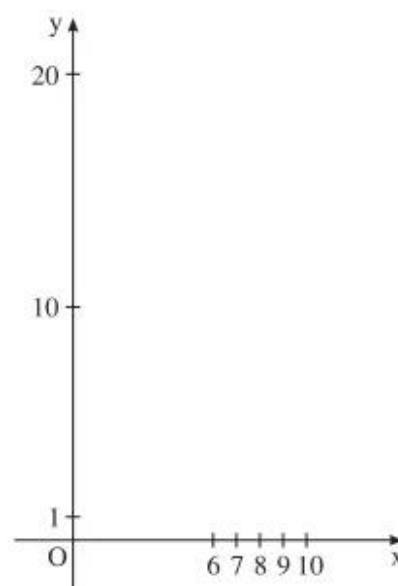
Giải

a) Dấu hiệu là

b) Lập bảng tần số

Số điểm của một lần bắn (x)	6	7	10	
Tần số (n)	1	2	N =

- c) Vẽ biểu đồ đoạn thẳng
 - Vẽ hệ trục tọa độ ;
 - Xác định các điểm A(6 ; 1) ; B(7 ; 2),
 -
 - Vẽ các đoạn thẳng tương ứng ;



Hình 6

d) Tính số trung bình cộng bằng cách lập bảng dưới đây :

Số điểm của một lần bắn (x)	Tần số (n)	Các tích x.n	
6	1	6	
7	2	14	
....	
....	
....	
10	
	N =	Tổng :	$\bar{X} = \dots$

Bài 18 [20]. Điều tra năng suất lúa xuân năm 1990 của 31 tỉnh thành từ Nghệ An trở vào, người điều tra lập được bảng 18 :

- Lập bảng "tần số".
- Dựng biểu đồ đoạn thẳng.
- Tính số trung bình cộng.

STT	Tỉnh, thành phố	Năng suất (tạ/ha)	STT	Tỉnh, thành phố	Năng suất (tạ/ha)
1	Nghệ An	30	16	Bình Dương	30
2	Hà Tĩnh	30	17	Đồng Nai	30
3	Quảng Bình	20	18	Bình Thuận	40
4	Quảng Trị	25	19	Bà Rịa – Vũng Tàu	30
5	Thừa Thiên – Huế	35	20	Long An	25
6	Đà Nẵng	45	21	Đồng Tháp	35
7	Quảng Nam	40	22	An Giang	35
8	Quảng Ngãi	40	23	Tiền Giang	45
9	Bình Định	35	24	Vĩnh Long	35
10	Phú Yên	50	25	Bến Tre	35
11	Khánh Hoà	45	26	Kiên Giang	35
12	TP. Hồ Chí Minh	35	27	Cần Thơ	30
13	Lâm Đồng	25	28	Trà Vinh	40
14	Ninh Thuận	45	29	Sóc Trăng	40
15	Tây Ninh	30	30	Bạc Liêu	40
			31	Cà Mau	35

Bảng 18

Giải

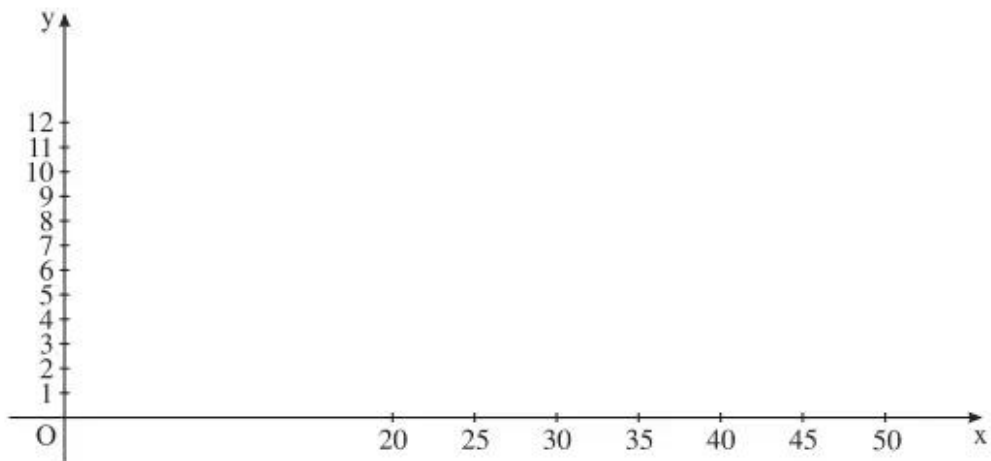
a) Lập bảng "tần số"

– Dấu hiệu ở đây là "năng suất lúa xuân năm 1990" được điều tra từ 31 tỉnh, được tính theo tạ/ha.

– Bảng "tần số"

Năng suất (x)	Tần số (n)
20	
25	
30	
35	
40	
45	
50	
N =	

b) Vẽ biểu đồ đoạn thẳng



Hình 7

c) Tính số trung bình cộng

Từ bảng tần số trên, ta lập bảng tính số trung bình cộng

Năng suất (x)	Tần số (n)	Các tích (x.n)	
20	
25	
...	
...	
...	
45	
50	
	N =	Tổng :	$\bar{X} =$

Vậy năng suất trung bình của vụ lúa xuân năm 1990 trên 31 tỉnh, thành phố là :

B. Các đề kiểm tra (Thời gian làm bài : 45 phút)

ĐỀ 1

Người ta chọn ra 30 em trong số học sinh khối 6 của một trường THCS để cân. Kết quả được ghi lại trong bảng sau, đơn vị là kg.

26	33	30	32	30	31
30	30	31	32	30	31
29	31	33	33	31	30
30	29	26	30	31	31
29	33	29	38	31	29

- Dấu hiệu ở đây là gì và bảng trên được gọi là bảng gì ? (1 điểm) ;
- Lập bảng "tần số" và rút ra một số nhận xét (3 điểm) ;
- Vẽ biểu đồ chữ nhật (2 điểm) ;
- Tính số trung bình cộng (3 điểm) ;
- Nếu chọn tùy ý một học sinh khối 6 của trường đó không thuộc vào số 30 em trên thì em thử dự đoán số cân nặng của bạn đó (1 điểm).

ĐỀ 2

Lượng nước tiêu thụ hàng ngày của 20 hộ trong một phường được ghi lại như trong bảng sau :

Thứ tự các hộ	Lượng nước tiêu thụ (m^3)
1	20
2	22
3	24
4	20
5	16
6	21
7	20
8	28
9	24
10	18
11	22
12	20
13	24
14	30
15	36
16	22
17	20
18	18
19	22
20	24

- Dấu hiệu ở đây là gì ? (1 điểm) ;
- Lập bảng tần số (3 điểm) ;
- Vẽ biểu đồ đoạn thẳng (2 điểm) ;
- Tính số trung bình cộng (3 điểm) ;
- Chọn một hộ tùy ý trong phường đó (không thuộc 20 hộ nói trên) thì lượng nước tiêu thụ của hộ này được dự đoán thuộc vào khoảng nào ? (1 điểm).

ĐÁP ÁN CÂU HỎI CHƯƠNG III

1. (C).
2. (A) Số bạn nghỉ học trong từng buổi trong một tháng ;
(B) 6 ; (C) 10 ; (D) 6.
3. (A) Số lần xuất hiện của một giá trị ;
(B) 1 ; (C) bảng phân phối thực nghiệm của dấu hiệu ;
(D) Thu gọn bảng số liệu thống kê ban đầu ; để rút ra nhận xét chung và thuận lợi trong tính toán.
4. (A) 7 ; (B) 115 ; (C) 2 ; 100 ; (D) 110 ; 120.
5. (A) 29 ; (B) bóng đá ; (C) 5.
6. (A) Cộng ; chia.
(B) $\bar{X} = \frac{x_1n_1 + x_2n_2 + x_3n_3 + \dots + x_kn_k}{N}$.
(C) đại diện ; muốn so sánh các dấu hiệu cùng loại (không có sự chênh lệch quá lớn).
(D) đại diện ; các giá trị có sự chênh lệch quá lớn.
7. (D).